

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận các báo giá để làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2025-2026 (đợt 2). Vì vậy, kính đề nghị các đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế báo giá về Trung tâm với các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá
DS Trần Thị Lệ Hằng, khoa Dược – Vật tư Y tế. Điện thoại: 0983.639.037
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ có kí, đóng dấu xác nhận của đơn vị về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Lưu ý: Hồ sơ báo giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Tham gia báo giá các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2025-2026 (đợt 2)”.

4. Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày đăng tải Thư mời tới trước 14h ngày 03/9/2025. Hết thời gian nói trên tất cả thư báo giá gửi đến Trung tâm không có hiệu lực.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 03/9/2025.

6. Thư mời được đăng tải công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện



tử của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có địa chỉ:

<https://cdcnghean.vn>

Bên báo giá đồng ý cho bên mời báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các thư báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cần báo giá (chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm).

2. Mẫu đề các đơn vị cung cấp báo giá (chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

3. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống đấu thầu quốc gia;
- Ban GĐTT (đề biết);
- Website CDC;
- Lưu: VT, KHN. *VT*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Đình Du





Phụ lục 1: Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An (đợt 2)

(Kèm theo Thư mời số 1051 /TM-KSBT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
1	Amoni acetat NH ₄ C ₂ H ₃ O ₃	2	chai	Độ tinh khiết: ≥ 98.0 % Khối lượng phân tử: 77.08 g/mol Nhiệt độ nóng chảy: 114 °C Khối lượng riêng 1,17 g/cm ³ ở 20 °C Độ pH 6,7 - 7,3 ở 50 g/l 25 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500g	
2	Ống chuẩn NH ₄ SCN 1000mg/l	1	ống	Pha với 1000ml nước cất, Nồng độ NH ₄ SCN = 0.1 mol/l (0.1 N) Giá trị pH: 4.5 (H ₂ O, 20 °C) Tỷ trọng: 1.03 g/cm ³ (20 °C) Bảo quản ở nhiệt độ: +15°C to +25°C. Quy cách: 1 ống/hộp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 ống/hộp	
3	Axit nitric HNO ₃	5	chai	Độ tinh khiết: ≥ 65.0 % Tỷ trọng: 1.39 g/cm ³ (20 °C) Điểm sôi: 121 °C (1013 hPa) Màu sắc: ≤ 10 Hazen Chloride (Cl) ≤ 0.2 ppm Phosphate (PO ₄) ≤ 0.2 ppm Giá trị pH: <1 (H ₂ O, 20 °C) axit mạnh Bảo quản: +2°C đến +30°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 1 lít	
4	Axit nitric HNO ₃	20	chai	Độ tinh khiết: ≥ 65.0 % Khối lượng phân tử: 63.012 g / mol Xuất hiện: Chất lỏng bốc khói không màu, vàng hoặc đỏ, có mùi vị chát, ngọt ngọt Tỷ trọng: 1,51 g / cm ³ ; 1,41 g / cm ³ [68% w / w] Độ nóng chảy: -42 °C (-44 ° F; 231 K) Điểm sôi: 83 °C (181 ° F; 356 K)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500ml	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
5	Axit hydrochloric HCl	2	chai	Tỷ lệ (HCl) :: 37.0 – 38.0 % Khối lượng phân tử: 36.46 g/mol Khối lượng riêng: 1.19 g/cm ³ (20°C) Độ pH: <1 (H ₂ O, 20°C) Điểm đông đặc: – 30°C Áp suất hóa hơi: 190 hPa ở 20°C Tính tan trong nước: Ở 20°C hòa tan được Ngưỡng mùi: 0,8 – 5 ppm Nhiệt độ bảo quản: +2°C đến +25°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 1 lít	
6	Axit hydrochloric HCl	20	chai	Tỷ lệ (HCl): 36.0~38.0 % Khối lượng phân tử: 36.46 g/mol Trạng thái: Chất lỏng vàng nhạt hoặc không màu Khối lượng riêng: 1,18 g/cm ³ Điểm nóng chảy: – 27,32 °C (247 K) Độ axit (pKa): – 8,0 Độ nhớt: 1,9·10 ⁻³ Pa·s ở 25 °C Độ hòa tan: (nước) 725 g / Lít ở 20 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500ml	
7	Natri hypochlorite (NaClO)	1	Chai	Độ tinh khiết: >5,0% (như clo có sẵn) (T) Quy cách: 500mL Công thức trọng lượng: 74,44 Quy cách: Chai 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 500ml	
8	Diethylene glycol (HOCH ₂ CH ₂)O	1	Chai	Khối lượng phân tử: 106,12g/mol điểm sôi: 245oC Mật độ: 1,12g/cm ³	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 1 lít	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
9	Anhydric chromic	1	lọ	Hàm lượng $\geq 99\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	lọ 500 g	
10	Acid Formic CH ₂ O ₂	2	chai	Độ tinh khiết: 98% – 100% Chất lỏng không màu, dễ bốc khói Trọng lượng phân tử: 46,0254 g/mol Nhiệt độ sôi: 100,8 °C Giá trị pH: 2,2 (10 g / l, H ₂ O, 20 ° C)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 1 lít	
11	Dichlormethan CH ₂ Cl ₂	20	chai	Độ tinh khiết: >99,8% Khối lượng phân tử: 84.93 g/mol Dạng lỏng không màu, dễ bay hơi Khối lượng riêng: 1.33 g/cm ³ (20 °C) Nhiệt độ nóng chảy: -95 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500 ml	
12	Acetaldehyde H ₃ CH(OC ₂ H ₅) ₂	2	L	- Nồng độ $\geq 99\%$; - Tỷ trọng: 0,6-0,8 g/cm ³ ; - Nhiệt độ sôi: 15,6-21,6 oC.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 1 lít	
13	Phenylhydrazine hydrochlorid	1	lọ	Công thức hóa học: C ₆ H ₈ N ₂ .HCl Quy cách đóng gói: 25g/lọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	25g/lọ	
14	Natri carbonat Na ₂ CO ₃	1	lọ	Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ Chloride (Cl): $\leq 0.002\%$ Phosphate (PO ₄): $\leq 0.001\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Lọ 1kg	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
15	Hộp mực Dionex EGC 500	1	bộ	Kích thước hộp mực (cao x đường kính): 25.4 × 10.8 cm (10 × 4.25 in) Trọng lượng hộp mực: 1.4 kg (3.0 lb) Phạm vi nồng độ: 0.1–100 mM Tốc độ dòng chảy: 0.10–3.00 mL/min Áp suất vận hành tối đa: 34.5 MPa (5000 psi) Nồng độ dung môi tối đa: Dionex EGC 500 KOH–25% methanol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	bộ	
16	Hộp mực Dionex EGC 500	1	bộ	Kích thước hộp mực (cao x đường kính): 25.4 × 10.8 cm (10 × 4.25 in) Trọng lượng hộp mực: 1.4 kg (3.0 lb) Phạm vi nồng độ: 0.1–100 mM Tốc độ dòng chảy: 0.10–3.00 mL/min Áp suất vận hành tối đa: 34.5 MPa (5000 psi) Nồng độ dung môi tối đa: Dionex EGC 500 MSA–no solvents	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	bộ	
17	Đầu lọc mẫu	60	hộp	Chất liệu: màng hydrophilic PTFE Kích thước lỗ 0.22µm, đường kính màng 25mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	hộp 100 cái	
18	Pipet pasteur	5	túi	* Thể tích: 3ml * Chất liệu: nhựa dẻo trong suốt với mũi chắc chắn * Hình dáng: Ống nhỏ giọt có đầu bóp dạng bầu và đầu hút thon nhọn * Loại: không tiết trùng * Có chia vạch 0,5ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	túi 100 cái	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
19	Giấy lọc	1	hộp	Chất liệu: Ester cellulose, cấu tạo cellulose acetate (~20%) và cellulose nitrate (~80%). Kích thước: cỡ lỗ lọc 0,8 μm , đường kính 37mm, độ dày 140 μm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	hộp/100 tờ	
20	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Prod, col, ip, CS12A kích thước: 4*250mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	
21	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Prod, col, ip, CG12A kích thước: 4*50mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	
22	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Prod, CDRS600 kích thước: 4mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	
23	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Prod, col, ip, AS19 kích thước: 4*250mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	
24	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Prod, col, ip, AG19 kích thước: 4*50mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	
25	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	cột	Suppressor ADRS 600 kích thước: 4mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cột/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
26	Natri hydroxyt (NaOH)	40	chai	Độ tinh khiết: 96 %	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai/500g	
27	MTBE (tert-butyl methyl ether)	1	chai	Độ tinh khiết: ≥ 95 % dùng cho cấp sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 lít /chai	
28	Natri sunfat (Na ₂ SO ₄)	1	lọ	Dạng: bột màu trắng, không mùi, dễ hút ẩm, tan trong nước. Quy cách: Lọ 500g	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Lọ 500g	
29	Triphenyl phosphate	1	Lọ	Dùng làm chất nội chuẩn Công thức hoá học: (C ₆ H ₅ O) ₃ PO Cas: 115-86-6 Điểm nóng chảy: 48–50 °C (lit.) Nhiệt độ bảo quản: 2–30 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	lọ 1g	
30	Magie sunfat (MgSO ₄)	1	Chai	Công thức hóa học: MgSO ₄ *Siêu tinh khiết, SLR, Sấy khô *Nhiệt độ nóng chảy: 1124°C *Áp suất hơi: <0.1mmHg at 20°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	500g/ chai	
31	Sodium hydrogencitrate sesquihydrate	1	Chai	- Dùng trong phân tích - Công thức: HOC(COOH)(CH ₂ COONa) ₂ · 1.5H ₂ O - Cas: 6132-05-4 - Độ tinh khiết: 99% - Khối lượng mol: 263.11 g/mol - Dạng: Rắn	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 250g	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
32	Supelclean™ PS A SPE Bulk Packing	2	chai	- Dùng trong phân tích - kích thước hạt: 50 µm - kích thước lỗ: 70 Å	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 100g	
33	Bột C18 (Bột QuEChERS)	1	bịch	Bột QuEChERS: 150mg MgSO ₄ + 50mg PSA + 50mg C18	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100cái /bịch	
34	Trisodium citrate dihydrate	1	chai	- Dùng trong phân tích - Công thức: HOC(COONa)(CH ₂ COONa) ₂ · 2H ₂ O - Cas: 6132-04-3 - Độ tinh khiết: 99.0-100.5% anhydrous basis - Khối lượng mol: 294.10 g/mol - pH: 7.5-9 (25 °C, 29.4 g/L) - Dạng: Bột	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500g	
35	Chloramphenicol-d5	1	Lọ	Dùng làm chất nội chuẩn Công thức hoá học: C ₁₁ H ₇ D ₅ Cl ₂ N ₂ O ₅ Cas: 2213400-85-0 Trọng lượng phân tử: 328.16 Độ tinh khiết: >95% (HPLC)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 mg/lọ	
36	Ethyl acetate	2	chai	Độ tinh khiết: ≥ 99.5 % Dạng lỏng Điểm nóng chảy: -83°C Điểm sôi/khoảng sôi: 77°C ở 1.013 hPa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	chai 500ml	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
37	Ống chuẩn HCl 0.1N	6	hộp	- Dùng trong phân tích - Công thức: HCl - Cas: 7647-01-0 - Nồng độ: 0,1 M - Khối lượng mol: 36.46 g/mol - pH: <1 (20 °C in H2O)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 ống/hộp	
38	Acid sulfuric	2	chai	- Dùng trong phân tích - Công thức: H2SO4 - Cas: 7664-93-9 - Độ tinh khiết: 95-97% (alkalimetric) - Khối lượng mol: 98.08 g/mol - pH: 0.3 (25 °C, 49 g/L in H2O)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 1 lít	
39	Acid sulfuric	10	chai	Hàm lượng $\geq 96\%$, đạt tiêu chuẩn hóa chất tinh khiết phòng thí nghiệm (PA). Chai 500ml.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 500ml	
40	Dung dịch chuẩn VOCs 59 thành phần nồng độ 2000ug/mL trong methanol	1	lọ	- Dùng trong phân tích - VOC Standard Solution 59 components; 2000ug/ml each of Bromochloromethane [CAS:74-97-5]; Bromodichloromethane [CAS:75-27-4]; Tribromomethane (Bromoform) [CAS:75-25-2]; Tetrachloromethane (Carbon tetrachloride) [CAS:56-23-5]; Chloroform [CAS:67-66-3]; Dibromochloromethane [CAS:124-48-1]; Dibromomethane [CAS:74-95-3]; Dichloromethane (Methylene chloride) [CAS:75-09-2]; 1,2-Dibromoethane [CAS:106-93-4]; 1,1-Dichloroethane [CAS:75-34-3]; 1,2-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1ml/lọ	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Dichloroethane [CAS:107-06-2] ; 1,1-Dichloroethene [CAS:75-35-4] ; cis-1,2-Dichloroethene [CAS:156-59-2] ; trans-1,2-Dichloroethene [CAS:156-60-5] ; 1,1,1,2-Tetrachloroethane [CAS:630-20-6] ; 1,1,2,2-Tetrachloroethane [CAS:79-34-5] ; Tetrachloroethene [CAS:127-18-4] ; 1,1,1-Trichloroethane [CAS:71-55-6] ; 1,1,2-Trichloroethane [CAS:79-00-5] ; Trichloroethene [CAS:79-01-6] ; 1,2-Dibromo-3-chloropropane [CAS:96-12-8] ; 1,2-Dichloropropane [CAS:78-87-5] ; 1,3-Dichloropropane [CAS:142-28-9] ; 2,2-Dichloropropane [CAS:594-20-7] ; 1,1-Dichloropropene [CAS:563-58-6] ; cis-1,3-Dichloropropene [CAS:10061-01-5] ; trans-1,3-Dichloropropene [CAS:10061-02-6] ; Hexachloro-1,3-butadiene (Hexachlorobutadiene) [CAS:87-68-3] ; 1,2,3-Trichloropropane [CAS:96-18-4] ; Benzene [CAS:71-43-2] ; n-Butylbenzene [CAS:104-51-8] ; sec-Butylbenzene [CAS:135-98-8] ; tert-Butylbenzene [CAS:98-06-6] ; Ethylbenzene [CAS:100-41-4] ; Isopropylbenzene [CAS:98-82-8] ; 4-Isopropyltoluene [CAS:99-87-6] ; Naphthalene [CAS:91-20-3] ; n-Propylbenzene [CAS:103-65-1] ; Styrene [CAS:100-42-5] ; Toluene [CAS:108-88-3] ; 1,2,4-Trimethylbenzene [CAS:95-63-6] ; 1,3,5-			

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Trimethylbenzene [CAS:108-67-8] ; o-Xylene [CAS:95-47-6] ; m-Xylene [CAS:108-38-3] ; p-Xylene [CAS:106-42-3] ; Bromobenzene [CAS:108-86-1] ; Chlorobenzene [CAS:108-90-7] ; 2-Chlorotoluene [CAS:95-49-8] ; 4-Chlorotoluene [CAS:106-43-4] ; 1,2-Dichlorobenzene [CAS:95-50-1] ; 1,3-Dichlorobenzene [CAS:541-73-1] ; 1,4-Dichlorobenzene [CAS:106-46-7] ; 1,2,3-Trichlorobenzene [CAS:87-61-6] ; 1,2,4-Trichlorobenzene [CAS:120-82-1] ; Chloroethane [CAS:75-00-3] ; Chloromethane [CAS:74-87-3] ; Dichlorodifluoromethane [CAS:75-71-8] ; Fluorotrichloromethane (Trichlorofluoromethane) [CAS:75-69-4] ; Vinylchloride [CAS:75-01-4] in Methanol			
41	Dung dịch chuẩn hỗn hợp thuốc trừ sâu nhóm clo hữu cơ (Organochlorine Pesticide Mixture 1000 µg/mL in Toluene: Hexane)	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phân tích - Nồng độ: 1000 µg/mL - Nhiệt độ bảo quản: -18°C 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 ml/lọ	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
42	Permethrin 1000 µg/mL in Acetone	1	lọ	- Dùng trong phân tích - Công thức: C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃ - Cas: 52645-53-1 - Nồng độ: 1000 µg/mL - Khối lượng mol: 391.29 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1ml/lọ	
43	Trifluralin 1000 µg/mL in Acetone	1	lọ	- Dùng trong phân tích - Công thức: C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄ - Cas: 1582-09-8 - Nồng độ: 1000 µg/mL - Khối lượng mol: 335.28 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1ml/lọ	
44	2,4,6-Trichlorophenol 5000 µg/mL in Methanol	1	lọ	- Dùng trong phân tích - Công thức: C ₆ H ₃ Cl ₃ O - Cas: 88-06-2 - Nồng độ: 1000 µg/mL - Khối lượng mol: 197.45 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1ml/lọ	
45	Cột C18 (HyperSep™ C18 Cartridges)	2	túi	Kích thước hạt: 40 đến 60 µm Thể tích cột: 3ml Diện tích bề mặt 470 đến 530m ² /g Dạng đóng gói: dạng cột	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	50 cái/ túi	
46	Sodium acetate	1	lọ	- Dùng trong phân tích - Công thức: CH ₃ COONa - Cas: 127-09-3 - Độ tinh khiết: ≥99.0% - Khối lượng mol: 82.03 g/mol - pH: 8.5-9.9 (25 °C, 246 g/L) - Dạng: Bột	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	lọ 1000g	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
47	Giấy lọc định lượng không tro	3	hộp	Đường kính: 110mm, cỡ lỗ 8-12 um	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 tờ/ hộp	
48	Vial 2ml	1	hộp	Thể tích: 2ml Chất liệu: Chai thủy tinh nâu, nắp vặn 2mL, miệng 9mm, chia vạch tới 1.5ml, có nhãn ghi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	
49	Vial 2ml	2	hộp	Thể tích: 2ml. Chất liệu: Chai thủy tinh trắng, nắp vặn 2mL, miệng 9mm, chia vạch tới 1.5ml, có nhãn ghi Nắp vặn xanh, có lỗ cho miệng 9mm, septa có rãnh Red PTTE/White Silicone	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	
50	Giấy nền Parafilm	5	Cuộn	- Kích thước: 4 inches (10cm) x 125 feet (38.1m). - Giấy Parafilm có thể chịu được nhiệt độ lên đến 150°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.		
51	Đầu côn có vạch	1	gói	- Thể tích tối đa 1000 µL - Đầu lọc, loại thông dụng và phù hợp với hầu hết các nhãn hiệu pipet phổ biến - Không RNase, DNase và Pyrogen. - Màng lọc làm bằng polyetylen mật độ cao và trơ - Chất liệu: Propylen trong suốt có chia vạch - Đầu tip đã được tiệt trùng - Gói / 10 Hộp, 1 hộp/ 96 tip lọc	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Gói /10 Hộp, 1 hộp/ 96 tip lọc	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
52	Đầu côn có vạch	1	gói	*Dung tích:200 μ L *Vạch chia: Đầu côn có vạch chia để hỗ trợ việc đo chính xác thể tích *Chất liệu: Thường được làm từ polyme tinh khiết để đảm bảo chất lỏng ít bám dính vào đầu tip.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	gói 1000 cái	
53	Màng lọc chân không (Membrane filter)	2	hộp	- màng lọc chất liệu Polyethylene Sulfone (PES), - đường kính 47mm, - cỡ lỗ 0.45 μ m	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	
54	Bộ lõi lọc 1 2 3 dành cho máy lọc nước	3	set	- Lõi số 1 (PP 5 micron) - Lõi số 2 (Than hoạt tính GAC/OCB) - Lõi số 3 (PP 1 micron) - Kích thước phổ biến: 10 inch - Áp suất sử dụng tối đa: Khoảng 5 bar.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Set 3 lõi	
55	Cột lọc H2O-A-PACK	1	bộ	Bộ lõi lọc nước siêu tinh khiết bao gồm hai lõi lọc nhựa trao đổi ion hiệu suất cao kết hợp với than hoạt tính để làm sạch nước đã qua xử lý trước. dành cho nước siêu tinh khiết arium® pro VF & pro UV	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2 cái/bộ	
56	Bộ lọc cuối cùng	2	bộ	Bộ lọc cuối cùng vô trùng Sartopore® 2 150, kích thước lỗ: 0,45 μ m-0,2 μ m	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 cái/bộ	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
57	Giấy lọc định lượng	5	hộp	Chất liệu: Cellulose Đường kính giấy lọc: 15cm Kích thước lỗ lọc: 2-3 μ m	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	
58	Chromotropic acid disodium salt dihydrate	1	chai	Hàm lượng: $\geq 98,5\%$ Hàm lượng nước: 8,5-9,5% Chai 25g	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 25g	
59	Chai nhựa 1,5 lít	1800	cái	- Dung tích: 1500ml - Chất liệu: nhựa trong suốt, - Có nắp vặn đi kèm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	nhựa 1,5 lít	
60	Can nhựa 5 lít	1600	cái	Can nhựa 5 lít/ Việt Nhật - Sử dụng nguyên liệu nhựa HDPE đảm bảo an toàn vệ sinh. - Thiết kế hiện đại, tiện lợi, chống rò rỉ nước cao. - Dung tích: 5 lít - Màu sắc: Trắng/vàng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Can 5 lít	
61	Chai nhựa 0,5 lít	1600	chai	- Chất liệu: nhựa Pet - Thể tích: 500ml - Mô tả: Nhựa PET có màu trong suốt, an toàn với người dùng. Có độ cứng, độ bền cơ học, khả năng chịu được các lực va chạm cao. - Đóng gói: lốc 10/chai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 0,5 lít	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
62	Test Clo dư	12	bộ	Quy cách: 100 test/bộ Test dùng cho máy Hanna HI97701, có mã: HI93701-01, có dải đo: 0,0-5mg/l.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 test/bộ	
63	Petroleum ether	20	chai	Tinh khiết phân tích, dải nhiệt độ sôi 30-60°C, hàm lượng nước $\leq 0,015\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Chai 500 ml	
64	Môi trường chọn lọc phát hiện vi sinh vật coliform lên men lactose (VRB: Violet Red Bile Lactose) agar	1	hộp	-Thành phần cho 1 lít môi trường: Dịch thủy phân mô động vật bằng enzym 7g, cao men 3g, lactose 10g, NaCl 5g, muối mật 1,5g, đỏ trung tính 0,03g, tím tinh thể 0,002g, thạch 12-18g - pH :7,4 \pm 0,2 ở 250C - Độ hòa tan: 39,5 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500 g	
65	Môi trường nuôi cấy Enterobacteriaceae (VRBD: Violet Red Bile Dextrose) agar	1	hộp	Pancreatic Digest of Gelatin (Enzymatic Digest of animal Tissues) 7; Yeast Extract 3; Bile Salts 1.5; NaCl 5; D (+)-Glucose (hoặc Glucose monohydrate) 10; Neutral Red 0.03; Crystal	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500g	
66	Môi trường tryptose Sulfite Cycloserine (TSC)	1	hộp	Thành phần: Peptone including enzymatic digest of casein 15g/l Enzymatic digest of soya 5 g/l Yeast Extract 5 g/l Sodium disulfite (sodium metabisulfite), anhydrous 1.0 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500g	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Iron (III) ammonium citrate 1 g/l Agar- agar 12g/l Độ hòa tan: 42 g/l Giá trị pH: 7.4 - 7.8 (H ₂ O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.			
67	Môi trường thạch mật Aesculin-Azid (Bile Aesculin Azide Agar)	1	hộp	Thành phần: Peptone from Casein 17g/l Peptone 3 g/l Yeast Extract 5,0 g/l Sodium Chloride 5,0g/l Aesculin 1,0g/l Ammonium Iron (III) citrate 0,5g/l Ox bile 10,0g/l Sodium azide 0,15g/l Agar-agar 13 g/l Giá trị pH: 6.9 - 7.3 (54.85 g/l, H ₂ O, 25 °C) Độ hòa tan: 54.85 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500g	
68	Môi trường thạch MYP (Mannitol egg yolk polymyxin) agar (base)	1	hộp	1. Thành phần cho 1 lít môi trường MYP agar: Meat extract 1,0 g, Enzymatic digest of casein (peptone) 10,0 g, Mannitol 10,0 g, Sodium chloride 10,0 g, Phenol Red 0,025 g, Agar 12,0 g. 2. Môi trường được kiểm soát chất lượng với các chủng vi sinh vật như sau: Bacillus cereus ATCC 11778: Tăng trưởng tốt; khuẩn lạc màu hồng tươi; Escherichia coli ATCC® 8739, Escherichia coli ATCC 25922*: không mọc; Bacillus subtilis ATCC® 6633: Khuẩn lạc màu vàng không có quang tủa. Quy cách hộp 500g/Hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500g	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
69	Môi trường thioglylat	1	hộp	-Thành phần cho 1 lít môi trường: - Tryptone: 15,000 Gms/L, Chiết xuất men: 5,000 Gms/L, Dextrose (Glucose): 5,500 Gms/L, - pH: 7,0±0,2 ở 250C Natri chloride: 2,500 Gms/L, L-Cystine: 0.500 Gms/L, Natri thioglycollate: 0.500 Gms/L, Resazurin sodium: 0.001 Gms/L, Agar: 0.750 Gms/L	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 500g	
70	Kháng huyết thanh H đa giá Salmonella As H-G	1	Lọ	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella H-G. Lọ 2 ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2ml/lọ	
71	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	200	Bộ	Gồm 4 ống: Kliggler Iron Agar (KIA), Mannitol Salt Agar (Manit di động), Motility Indole Urease (Ure-indole); Lysin decarboxylase (LDC)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	4 ống/bộ	
72	Thạch máu đỏ đĩa (Nalidixic acid (BANg)	2000	Đĩa	Lọc staphylococcus và streptococcus. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết (α, β, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mũi-dịch tiết	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 đĩa/ Hộp	
73	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 250ml	1000	Chai	Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 250ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	12 chai/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
74	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 500ml	1000	Chai	Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	12chai/hộp	
75	Chủng vi sinh vật (chất thử nghiệm: Enterococcus faecalis derived from ATCC® 29212)	1	Bộ	Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên chủng vi sinh đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh 2 - 8°C * Chủng vi sinh có số đời cấy chuyển bằng hoặc nhỏ hơn 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2que/bộ	
76	Chủng vi sinh vật (chất thử nghiệm: Pseudomonas aeruginosa derived from ATCC®27853)	1	Bộ	Sản phẩm: KWIK-STIK™ Đặc điểm sản phẩm: + Các que chủng KWIK-STIK chứa một lượng vi sinh vật và tá dược tinh khiết nhằm mục đích tạo cấu trúc và / hoặc sự ổn định bao gồm gelatin, skim milk, axit ascorbic, carbohydrate và charcoal. + Một bộ bao gồm 2 que + Mỗi que bao gồm một viên chủng vi sinh đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông kết hợp trong một thiết kế * Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2 que/bộ	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
77	Chủng vi sinh vật (chất thử nghiệm: Escherichia Coli derived from ATCC® 8739)	1	Bộ	Escherichia coli derived from ATCC® 8739™ - Nhãn hiệu: Microbiologics – Mỹ - Mã hàng: 0483P - Quy cách: Bộ - Danh mục sản phẩm: Bacteria - Dạng: Crooks - Loại chủng: Không - Chủng trình tự bộ gen: Có - Nguồn cách ly: Feces - Đặc tính dạng sản phẩm: Đông khô - Hàng mới 100%.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2 que/bộ	
78	Chủng vi sinh vật (chất thử nghiệm: Salmonella enterica subsp. enterica serovar typhimurium from ATCC®14028)	1	Bộ	Salmonella enterica subsp. enterica serovar Typhimurium derived from ATCC® 14028™	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2que/bộ	
79	Chủng vi sinh vật (chất thử nghiệm: Citrobacter freundii derived from ATCC®43864)	1	Bộ	F3, CA, CQ, HSD ≥8 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2que/bộ	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
80	Ống nghe 2 dây	10	bộ	Ống dẫn kép, làm bằng cao su đã nhiệt đới hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum, màng khuếch đại có độ nhạy âm cao.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	01 bộ/hộp	
81	Giấy đo chức năng hô hấp	320	cuộn	Giấy in nhiệt tương ứng với máy đo chức năng hô hấp Spirolap MIR-ITALY; cuộn màu trắng, kích thước 110mm - 112mm x 45mm. Dài 20m	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 cuộn/hộp hoặc 5 cuộn/bịch	
82	Đèn Clar khám tai mũi họng	5	bộ	Bóng đèn LED, có độ sáng cao và gom ánh sáng tốt	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	01 bộ/hộp	
83	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa tự động	4800	Cái (tips)	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tips dẫn điện, 1100 µl, khay 96 tips/khay - Vật liệu tips: PP – Polypropylene - Vật liệu khay: PC – Polycarbonate - Kích thước tips: Dài 97.0 mm, đường kính: ≤ 1.5 mm - Kích thước khay: Dài 126.9 mm; rộng 88.4 mm 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 x 96 tips/hộp	
84	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) chuyên dùng trong các máy xét nghiệm Elisa tự động	28128	Cái (tips)	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tips dẫn điện, 300 µl, khay 96 tips/khay - Vật liệu tips: PP – Polypropylene - Vật liệu khay: PC – Polycarbonate - Kích thước tips: Dài 55.0 mm, đường kính: ≤ 1.5 mm - Kích thước khay: Dài 126.9 mm; rộng 88.4 mm 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 x 96 tips/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
85	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Plasmodium falciparum, Plasmodium vivax	60	Test	<p>Khay thử Bioline™ Malaria Ag P.f/P.v là xét nghiệm nhanh, định tính để phát hiện phân biệt HRP2 (protein II giàu histidine) đặc hiệu đối với Plasmodium falciparum và Plasmodium lactate dehydrogenase (pLDH) đặc hiệu đối với Plasmodium vivax.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chẩn đoán phân biệt giữa Plasmodium falciparum và Plasmodium vivax • Hữu ích ở những khu vực mà cả Pv và Pf đều chiếm ưu thế • Phân biệt đơn nhiễm Pf với đồng nhiễm P.f/P.v • Đã được WHO tiền thẩm định • Mẫu : Máu toàn phần (5 µl) • Có kết quả xét nghiệm sau 15 phút (tối đa 30 phút) • Hạn sử dụng và nhiệt độ bảo quản: 24 tháng kể từ ngày sản xuất ở 1-40 °C • Hiệu quả: <ul style="list-style-type: none"> – Pf (HRP2) : Độ nhạy 99,7 %, Độ đặc hiệu 99,5 % – Pv (pLDH) : Độ nhạy 95,5 %, Độ đặc hiệu 99,5 % <p>CÁC VẬT LIỆU ĐI KÈM</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khay thử • Chất pha loãng xét nghiệm • Dụng cụ lấy mẫu dùng một lần (Pipe mao quản hoặc cốc úp ngược) • Kim chích, gạc tẩm cồn 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 test/Hộp hoặc 25 test/ hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
86	Dung dịch rửa máy (Chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy xét nghiệm huyết học)	480	ml	<p>1. Công dụng: một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động, máy phết và nhuộm lam.</p> <p>2. Sử dụng cho quá trình auto shutdown</p> <p>3. Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp</p> <p>4. Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ clo 5.0%)</p> <p>5. Tính năng tự động tắt toàn bộ hệ thống: khi đặt hóa chất vào đúng vị trí trên khay mẫu rồi đặt khay mẫu vào bộ phận nạp mẫu trên thiết bị ở trạng thái sẵn sàng, quy trình tắt máy sẽ được thực hiện tự động. Xuất xứ G7. Tương thích với máy XN-330, hãng Sysmex.</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	4ml x 20 lọ/Hộp	
87	Bóng đèn máy Sinh hóa	2	Cái	<p>Điện áp: 12V</p> <p>Công suất: 20W</p> <p>Chân đèn: Đặc biệt</p> <p>Tuổi thọ: 2000 giờ</p> <p>Mục đích: Máy sinh hóa</p> <p>Dùng cho các máy: Olympus AU400/ 480/ 640/ 640/ 680</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 Cái/hộp	
88	Ống đựng mẫu bệnh phẩm nước tiểu	50000	Cái	<p>Ống dùng để lấy mẫu xét nghiệm Tổng phân tích nước tiểu</p> <p>Chất liệu: Nhựa PP màu trắng, an toàn Y tế, không hóa chất, có hoặc không có nắp, tron láng</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	250 cái / Túi Hoặc 500 cái/túi	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Thể tích 10ml; KT 16 x 100mm Đạt ISO 13485			
89	Master Mix định lượng PCR	100	Test	Hỗn hợp mastermix cho phản ứng Realtime PCR sử dụng đầu dò huỳnh quang (probe), Có hệ thống chống ngoại nhiễm UDG, Ứng dụng: Định lượng DNA bằng Realtime PCR, RT-PCR, SNP, Bảo quản: -20 độ C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 test/ Hộp	
90	Ống bảo quản mẫu 2.0mL	14800	Cái	- Ống nắp vặn 2ml - Chất liệu: PP/PS - Chịu được tốc độ ly tâm lên đến 4500 rpm - Chiều dài ống ≥ 45 m, - Đường kính ngoài 12,08mm, - Tiệt trùng, không chứa DNase, RNase, pyrogen - Nhiệt độ chịu được -80 ~ 121 độ C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/ túi	
91	Bông hút nước y tế	361	Kg	100% bông xơ tự nhiên, màu trắng, mịn, khối bông dễ dàng tách thành nhiều lớp. pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm $\leq 8,0$, tốc độ hút nước ≤ 10 giây. Đạt các tiêu chuẩn theo DDVN V, FDA	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 kg/gói	
92	Khẩu trang y tế 3 lớp	23400	Cái	02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn; Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn... Thanh tựa mũi làm từ nhựa, bên trong không hoặc có lõi thép gắn cố định với khẩu trang, dễ định hình; Dây đeo làm từ vải thun co giãn hoặc vải không dệt	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	50 cái/ hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
93	La men	200	Hộp	Kích thước 22x22mm, dày 0.13 - 0.16mm / Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân dầu tiên có độ trong suốt cao chất lượng đảm bảo để giúp kết quả xét nghiệm được chính xác.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	
94	Tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	15000	Cái	Thân que nhựa là nhựa PP (Polypropylen) nguyên sinh, dài khoảng 150mm. 1 đầu que bằng bông xơ tự nhiên. Sản phẩm được tiệt trùng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.		
95	Huyết thanh mẫu kháng kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu (Anti A)	50	Lọ	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 ml / lọ	
96	Huyết thanh mẫu kháng kháng nguyên AB trên bề mặt hồng cầu (Anti AB)	50	Lọ	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên AB trên bề mặt hồng cầu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 ml / lọ	
97	Huyết thanh mẫu kháng kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu (Anti B)	50	Lọ	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 ml / lọ	
98	Viên nén khử khuẩn	14000	Viên	Thành phần: NaDCC 50 %, Adipic acid 22,5 %, phụ gia 27-28 % Dạng: Viên sủi trắng, 2,5 g/viên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê	100 viên/ Hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Đóng gói: 100 viên/hộp Phổ tác dụng: Vi khuẩn, virus, nấm, bào tử, niêm dịch máu An toàn: Găng tay/mắt khẩu trang, không dùng dưới dạng xịt, không thải vào nước	Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.		
99	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	55	Can	Dung dịch ngâm khử khuẩn Glutasept S Thành phần chính: 100 g Glutasept S chứa: 2,0 g Glutaraldehyde (CAS 111- 30-8) , tức hàm lượng Glutaraldehyde 2% (Steranios 2%)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	5 lít/can	
100	Nhũ tương lòng đỏ trứng gà có chứa kali tellurite	10	Chai	Thành phần: Sterile Egg-Yolk 200 ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l; distilled water to give a final volume of 1000 ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 ml/ chai	
101	Cồn 96°	440	Lít	Thành phần: Ethanol: 96 chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng. Quy cách: Can 20 lít có tem nhãn mác rõ ràng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	20 lít/ can	
102	Môi trường nuôi cấy nấm men-Mốc	1	Hộp	Composition (g/l): Enzymatic digest of animal and plant tissue 5.0; D (+) Glucose 10.0; Potassium dihydrogenphosphate 1.0; Magnesium sulfate monohydrate 0.5; Dichloran 0.002; Rose Bengal 0.025; Chloramphenicol 0.1; Agar-agar 15.0.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	500 g/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
103	Túi ủ kỵ khí	400	Túi	Hóa chất trong túi nilon, đặt vào bình ủ kỵ khí 2.5-3.5 lít để tạo môi trường kỵ khí trong phương pháp định danh và KSD dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 túi /Gói	
104	Bao cao su tránh thai	29952	Cái	Chất liệu là cao su và bao phủ bởi lớp gel bôi trơn bên ngoài	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	144 cái/ hộp	
105	Bộ kit realtime PCR đo tải lượng DNA HBV	384	Test	<p>Kit được thiết kế để định lượng DNA của virus viêm gan B (HBV) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người chống đông bằng EDTA.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói gồm: HBV PCR premix, các nồng độ chứng dương chuẩn HBV (HBV SPC từ 1 đến 5 DNA), chứng dương thấp HBV LPC, chứng dương cao HBV HPC, NTC, dung dịch đệm SL (SL buffer), Tấm film quang học (Tấm dán trong suốt), hướng dẫn sử dụng nhanh, hướng dẫn sử dụng chi tiết - Ngưỡng phát hiện (LoD): 6.1-7.3 IU/ml trong huyết tương - Giới hạn định lượng - LoQ: 1.18 Log10 IU/ml - Khoảng tuyến tính: 1.18-8.00 Log10IU/ml - Độ nhạy: 100 % (95% C.I 97.19 - 100) - Độ đặc hiệu: 100 % (95% C.I 96.65 - 100) - Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương-EDTA - Thể tích đệm mẫu 400 microlit - Bảo quản ở nhiệt độ: từ -15 đến -25 độ C 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	96 Test/Kit	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
106	Test xét nghiệm định lượng và định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Dengue	10	Hộp	<p>Định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể ở huyết thanh hoặc huyết tương chống lại vi rút Dengue (DEN 1-4). Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện kháng thể IgM người kháng lại virút Dengue (DEN 1-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: 12 thanh. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 96.2% Độ đặc hiệu: > 99.3% Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 6.8%</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	96 test/Hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				<p>Độ chum liên xét nghiệm: 5.2% - 7.7%</p> <p>Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với FSME / TBE IgM, Borrelia burgdorferi IgM, Virus cúm A IgM và Leptospira IgM</p> <p>Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng</p>			
107	Test xét nghiệm định lượng, định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Sởi	10	Hộp	<p>Định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại Virus sởi.</p> <p>Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: 12 cái. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	96 test/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				<p>Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm</p> <p>Độ nhạy: 98.9%</p> <p>Độ đặc hiệu: > 99.0%</p> <p>Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 2.8%</p> <p>Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2% - 9.3%</p> <p>Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với virus Mumps IgM, virus cúm IgM, Virus Epstein-Barr VCA IgM, Adenovirus IgM, Rubella Virus IgM, Virus hợp bào hô hấp IgM, Parvovirus IgM, Chikungunya Virus IgM và virus Dengue IgM.</p> <p>Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng</p>			
108	Test xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản	10	Hộp	<p>Bộ xét nghiệm dùng để xác định định tính kháng thể IgM kháng virus Viêm não Nhật Bản trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần:</p> <p>+ Dải Microtiter được phủ cho IgM người + Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho IgM loại A + JE Kiểm soát âm tính + JE IgM Kiểm soát dương tính + Kháng nguyên JE (JERA) cho IgM + Kháng nguyên tế bào bình thường sẵn sàng sử dụng (NCA) cho JE IgM + Enzyme Conjugate-HRP cho JE IgM + 10X Dung dịch đệm rửa + EnWash + Chất nền TMB + Dung dịch dừng phản ứng.</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	96 test/hộp	
109	Test xét nghiệm định lượng định tính kháng thể	2	Hộp	<p>Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện kháng thể IgM người kháng virus Rubella trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần bộ xét nghiệm:</p>	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	96 test/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
	IgM kháng lại vi rút Rubella			<ul style="list-style-type: none"> - Khay vi giếng: 12 thanh. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng <p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: > 99.0% Độ đặc hiệu: 96.8% Độ chụm nội xét nghiệm: 2.4% - 2.9% Độ chụm liên xét nghiệm: 2.9% - 4.9% Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với Epstein-Barr Virus IgM, Herpes Simplex Virus IgM, Measles Virus IgM, Mumps Virus IgM, Toxoplasma gondii IgM, Varicella Zoster Virus IgM, Parvovirus IgM, Zika Virus IgM, Chikungunya Virus IgM và Dengue Virus IgM Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng</p>			

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
110	Dây bơm dùng cho máy huyết học	20	chiếc	Dây bơm dùng cho máy phân tích huyết học. Dây bơm bằng cao su lưu hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	1 chiếc/túi	
111	Vật tư xét nghiệm dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	10	Lọ	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	2 ml/ Lọ	
112	Hộp an toàn đựng bơm kim tiêm đã sử dụng	2100	Cái	Hộp có dung tích 5,0 lít, hình chữ nhật, màu vàng, không mùi. Kích thước: 15,5cm x 12cm x 27,3cm ($\pm 2\%$); được làm bằng giấy Duplex, cán màng PE.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	20 hoặc 50 Cái/ Hộp	
113	Huyết tương thổ	12	Hộp	Huyết tương thổ đông khô với EDTA, lyophilized (Xác định tính gây bệnh Staphylococci bằng phương pháp ống trực tiếp - Bảo quản ở nhiệt độ từ +2°C đến +8°C. Quy cách: Hộp gồm 06 lọ x 3ml)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	(6 lọ x 3 ml)/Hộp	
114	Kim chích máu, loại đầu xoay	31200	Cái	Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại: Tiết trùng từng cây.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
115	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG/IgM kháng HEV	360	Test	Định tính phát hiện kháng thể IgM HEV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy tương quan: $\geq 98,1\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,2\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	30 test/hộp hoặc quy cách khác	
116	Lam kính mài	26296	Cái	Bảng thủy tinh, trong suốt, không mốc, không xước, loại nhám. Dày 1-1,2mm, KT 24mm x 76,2 mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	72 cái/hộp hoặc quy cách khác	
117	Màng lọc (Lỗ lọc 0.2 μ m)	1000	Cái	Chất liệu: Cellulose nitrate Đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc: 0.2 μ m.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp hoặc quy cách khác	
118	Màng lọc (lỗ lọc 0.45 μ m)	5000	Cái	Chất liệu: Cellulose nitrate Đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc: 0.45 μ m.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	100 cái/hộp hoặc quy cách khác	
119	Sinh phẩm realtime RT-PCR 100 phản ứng	1	Hộp	Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR trong các xét nghiệm Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus...	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	Hộp 100 phản ứng	
120	Test phát hiện kháng nguyên NS1 Virus Dengue	150	Test	Phát hiện và phân biệt kháng nguyên virus Dengue NS1, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần Hoạt chất và thành phần chính: • 1 khay thử bao gồm: Cộg hợp vàng: Kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Dengue ns1-keo vàng(0.27 \pm 0.05 μ g).	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	25 test hoặc 50 test/hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Vạch thử: kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Dengue Ns1(0.64±0.20μg). Vạch chứng: IgG Dê kháng chuột (0.72±0.14μg) Độ nhạy 92,4% và độ đặc hiệu là 98,4%.			
121	Test giang mai	5000	Test	Thành phần gồm: Kháng nguyên tái tổ hợp Treponema pallidum Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum Dung môi: đệm Tris-HCL; Natri azide Độ nhạy ≥ 98.9%; Độ đặc hiệu ≥98.5%;	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	30 test/hộp hoặc 40 test/hộp	
122	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu D	500	ml	Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	10 ml/ lọ	
123	Yếu tố dạng thấp	20	Lọ	Dung dịch dùng để loại bỏ các yếu tố viêm khớp dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy (CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể đặc hiệu IgM trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp. Lọ 20ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	20 ml/ lọ	
124	Gel bôi trơn	420	tuýp	Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate. Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	82 gam/ tuýp	

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
125	Bộ mồi xét nghiệm bệnh Bạch hầu CUP_rpoBP	1	Ống	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn dò DNA đánh dấu huỳnh quang tại 2 vị trí 3',5' cho xét nghiệm PCR, RTPCR - Nồng độ tổng hợp: 40nmol/ống. - Đoạn dò DNA: 5" HEX- 3" BHQ-1. - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch HPLC nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 3,75nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch 15nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi (aliquot) 5nmole hoặc 2nmole theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485 	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.	40 nmol/Ống	
Tổng cộng: 125 danh mục							

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2. Thư chào giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc đăng kí hộ doanh nghiệp hoặc các tài liệu khác tương đương; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)